

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date NOVEMBER 14th 1989

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

Name . . . LÊ - VÂN - CÂN²

Other names

Date/Place of Birth . NOVEMBER 11th 1942 . Hóc Môn

Residence Address . 58/1 THỊ - TRẦN. HOC MON, T.P HỒ CHÍ MINH

Mailing Address 58/1. THỊ TRẦN HOC MON, T.P HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Current Occupation . DRIVER

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME

Name	Date of Birth	Place of Birth	Sex	MS	Relationship
LÊ THỊ NGỌC DUNG	JUNE 5 th 1952	SAIGON.	FEMALE	M	WIFE
LÊ NGỌC THUY	July 25 th 1975	HOC MON.	FEMALE	S	DAUGHTER
LÊ NGỌC HÂN	NOV. 29 th 1978	HOC MON.	FEMALE	S	DAUGHTER

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

1. Closest Relative in the U.S. :

a. Name . . . LÊ - VÂN - MÂN²

b. Relationship . . . BROTHER

c. Address

2. Closest Relative in Other Foreign Countries : NONE

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead)

	Name	Address
1. Father :	<u>LÊ - VÂN . THAO</u>	<u>58/1 THỊ TRẦN HOC MON</u>
2. Mother :	<u>LÊ - THỊ - CÀ</u>	<u>n/c</u>
3. Spouse :	<u>LÊ THỊ NGỌC DUNG</u>	<u>n/c</u>
4. Former Spouse :	<u>NONE</u>	
5. Children : (1) .	<u>LÊ NGỌC . THUY</u>	<u>n/c</u>
(2) .	<u>LÊ NGỌC . HÂN</u>	<u>n/c</u>

6. Siblings : (1) . LÊ-VĂN, HÙNG . (DEAD).
(2)

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of Person Employed : LÊ-VĂN-CÂN
2. Dates : From To :
(1) . . 1968 1969
(2) . . 1969 1972
3. Title of Work : (1) . CARGO CHECKER
(2) ASSISTANT MANAGER; EMPLOYEE DEVELOPMENT SPECIALIST
4. Agency/Company/Office :
(1) . PHILCO-FORD CORPORATION
(2) BIÊN HÒA LONG BÌNH AREA EXCHANGE. (PACEX, AAFES)
5. Name of (last) Supervisor :
(1) SAMUEL. CORBITT . (SUPERVISOR) . .
(2) LAMAR .S. CRAWFORD (CHIEF, TRAINING)
IVAN.F. HANCOCK (CHIEF, TRAINING)
6. Reason for Leaving :
(1)
(2) REDUCTION IN FORCE. (VIETNAMESEATION OF WAR)
7. Training for Job in Vietnam :
. . FOOD MANAGER'S COURSE.
.
.

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of Person Serving : LÊ-VĂN-CÂN
2. Dates : From : 1964 To : . 1968
3. Last Rank : . SECOND LIEUTENANT (SERVICE NUMBER 62/H264)
RD
4. Ministry/Office/Military Unit : 303. COMBAT
. ENGINEER . BATTALION
5. Name of Supervisor/C.O : . MAJOR LƯU ĐÌNH BÀ
.

6. Reason for Leaving : WOUNDED BY V.C HAND GRENADE
7. Name of American Advisor(s) : CAPT. BENJAMIN SLAPAR
8. US Training Courses in Vietnam : ^{Sgt. MacCloseKey}
9. U.S. Awards or Certificates :

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of Student/Trainee :
2. School and School Address :
3. Dates : From To
4. Description of Courses :
5. Who paid for Training :

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of Person in Re-education :
2. Total time in Reeducation : ____ years ____ months ____ days
3. Still in Reeducation : Yes ____ No ____

I. ANY ADDITIONAL REMARKS :

IN VIETNAM WAR, I'M AN RUNDE SECOND LIEUTENANT, WOUNDED IN ACTION BY THE V.C WEAPON. I'VE LOST A PART OF MY BODY, I'VE STILL GOOD HEALTH ENOUGH TO CONTINUE WORKING FOR THE U.S ARMY AND AIRFORCE EXCHANGE SERVICE (HEADQUARTERS IN DALLAS, TEXAS) WITH THE JOB OF AN EMPLOYEE DEVELOPMENT SPECIALIST. I HAVE AN OUTSTANDING CERTIFICATE OF FOOD MANAGER'S COURSE.

MANY MORE BESIDES, MY YOUNGER BROTHER LE-VAN-MAN, ALSO AN OFFICER IS LIVING NOW IN NORTH CAROLINA STATE, ESPECIALLY MY ELDER BROTHER MR. LE-VAN-HUNG THE BRIGADIER WHO FIGHTED OUT THE BATTLE TO THE END WITH VC TROOPS IN AN-LOC, A BLOODING BATTLE FIELD IN 1972, SOICIED HIMSELF ON APRIL 30th 1975, WHEN THE COMMUNISTS OVERRUNNED SOUTH VIETNAM.

Signature : _____

Date : _____

NOT ONLY BECAUSE MY TWO BROTHERS ARE LIVING OR DEAD IN VIETNAM WAR, BUT ALSO BECAUSE I HAVE, AS CLEAR AS DAY, THE GOOD HIGH CO-OPERATION AND

LIST OF DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE :

ENTER INTO AN ALLIANCE WITH THE U.S GOVERNMENT. SO I EXPECT THAT THE GOVERNMENT ASSISTS ME TO LEAVE VIETNAM AS SOON AS POSSIBLE.

DOCUMENTS ATTACHED :

- ① A COPY OF MY BIRTH CERTIFICATE AND THE BIRTH CERTIFICATE OF EACH MEMBER OF MY FAMILY.
- ② A COPY OF MY MARRIAGE CERTIFICATE
- ③ A COPY OF VIETNAMESE I.D CARD
- ④ A PHOTO OF EACH PERSON
- ⑤ A COPY OF MY DISABILITY DISCHARGE CERTIFICATE
- ⑥ A COPY OF MY WOUNDED CERTIFICATE
- ⑦ A PICTURE TAKEN WITH MY U.S SUPERVISOR IN FRONT OF MY WORKING PLACE
- ⑧ A COPY OF WAGE ADJUSTMENT FOR VIETNAMESE WORKING FOR U.S FORCES

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date NOVEMBER 14th 1989

A. BASIC IDENTIFICATION DATA

Name	LÊ VĂN CÂN
Other names	
Date/Place of Birth	NOVEMBER 11 th 1942 HOC MON.
Residence Address	58/1, THI TRAM HOC MON, TP. HO CHI MINH
Mailing Address	58/1, THI TRAM HOC MON, TP HO CHI MINH.
	VIETNAM
Current Occupation	DRIVER

3. RELATIVES TO ACCOMPANY ME

Name	Date of Birth	Place of Birth	Sex	MS	Relationship
HÉ-THỊ NGỌC DUNG	JUNE 5 th 1952	SAIGON	FEMALE	M.	WIFE
LÊ - NGỌC THỦY	JULY 25 th 1975	HỒC MÔN	FEMALE	S.	DAUGHTER
LÊ - NGỌC HÂN	NOVEMBER 29 th 78	HỒC MÔN	FEMALE	S.	DAUGHTER

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

1. Closest Relative in the U.S. :
 a. Name . LÊ - VAN - MÂN .
 b. Relationship . BROTHER .
 c. Address . 1136 W. AIRLINE AVE. GASTONIA
 . N. C. 28052 . USA .

2. Closest Relative in Other Foreign Countries : NONE

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead)

	<u>Name</u>	<u>Address</u>
1. Father :	LÊ-VĂN-THAO.	58/1. THỊ TRẦN HỌC MÔN TP HO CHI MINH/V.N
2. Mother :	LÊ-THỊ-CA	
3. Spouse :	LÊ-THỊ-NGOC-DUNG.	N/C.
4. Former Spouse :	NONE	
5. Children :	(1) LÊ-NGOC-THUY.	N/C.
	(2) LÊ-NGOC-HÂN.	N/C.

6. Siblings : (1) LÊ - VĂN - HÙNG
(2)

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATIONS
OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of Person Employed : LÊ - VĂN - CÂN
2. Dates : From To :
(1) . . . 1968 1969 . . .
(2) . . . 1969 1972 . . .
3. Title of Work : (1) CARGO CHECKER
(2) ASSISTANT MANAGER; EMPLOYEE
4. Agency/Company/Office : DEVELOPMENT SPECIALIST
(1) PHILCO - FORD CORPORATION
(2) BIÊN HÒA - LONG BÌNH AREA EXCHANGE (PACEX;
A.A.F.E.S)
5. Name of (last) Supervisor :
(1) SAMUEL .. CORBITT. (SUPERVISOR)
(2) LAMAR .. S. GRAWFORD; IVAN F. HANCOCK
(CHIEF, TRAINING)
6. Reason for Leaving :
(1)
(2) REDUCTION IN FORCE (VIETNAMIZATION OF WAR)
7. Training for Job in Vietnam :
FOOD MANAGER'S COURSE
.
.

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of Person Serving : LÊ - VĂN - CÂN
2. Dates : From : . 1964 . . . To : . . . 1968 . . .
3. Last Rank : . SECOND. LIEUTENANT (SERVICE NUMBER 63/112614)
4. Ministry/Office/Military Unit : 303rd COMBAT .
ENGINEER BATTALION
5. Name of Supervisor/C.O : . MAJOR. LƯU DINH BÀ

6. Reason for Leaving : WOUNDED by V.C HAND GRENADE
7. Name of American Advisor(s) : CAPT. BENJAMIN SLAPAR.
8. US Training Courses in Vietnam : Sgt McCloskey

9. U.S. Awards or Certificates :

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of Student/Trainee :
2. School and School Address :
3. Dates : From To
4. Description of Courses :
5. who paid for Training :

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of Person in Re-education :
2. Total time in Reeducation : years months days
3. Still in Reeducation : Yes No

E. ANY ADDITIONAL REMARKS ? IN VIETNAM WAR, I'M AN RVNAP
SECOND LIEUTENANT, WOUNDED IN ACTION BY THE ENEMY'S WEAPON. I'VE LOST A
PART OF THE BODY, I'VE STILL GOOD HEALTH ENOUGH TO CONTINUE WORKING FOR THE US
ARMY and AIRFORCE EXCHANG SERVICE WITH THE JOB OF AN EMPLOYEE DEVELOPMENT
SPECIALIST. I HAVE AN OUTSTANDING CERTIFICATE OF FOOD MANAGER'S COURSE.
MANY MORE BESIDES, MY YOUNGER BROTHER LE-VAN-MAN, ALSO AN
RVNAP LIEUTENANT, IS LIVING NOW IN NORTH CAROLINA STATE, AND MY
ELDER BROTHER MR. LE-VAN HUNG, THE BRIGADIER WHO FIGHTED OUT THE
BATTLE TO THE END WITH VC TROOPS IN AN-LÖC, A BLOODING BATTLE FIELD
IN 1972, SUICIDED HIMSELF ON APRIL 30th 1975 WHEN THE COMMUNISTS
OVERRUNNED SOUTH VIETNAM.

NOT ONLY BECAUSE MY TWO BROTHERS ARE LIVING OR DEAD IN
VIETNAM WAR, LIST OF DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE : BUT ALSO
BECAUSE I HAVE AS CLEAR AS DAY THE GOOD HIGH CO-OPERATION AND
ENTER INTO AN ALLIANCE WITH THE U.S GOVERNMENT.

SO, I EXPECT THAT THE GOVERNMENT ASSISTS ME TO LEAVE VIETNAM
AS SOON AS POSSIBLE.

DOCUMENTS ATTACHED : ① A copy of my BIRTH CERTIFICATE AND THE BIRTH
CERTIFICATE OF EACH MEMBER OF MY FAMILY.

- ② A copy of my MARRIAGE CERTIFICATE
③ A copy of VIETNAMESE I.D CARD.
④ A copy of EACH PERSON.
⑤ A copy of my DISABILITY DISCHARGE CERTIFICATE
⑥ A copy of my WOUNDED CERTIFICATE.
⑦ A picture TAKEN WITH MY U.S SUPERVISOR (MR JAMES C CRAWFORD) :
OF OUR
⑧ A copy of

VIETNAMESE WORKING FOR U.S FORCES AND
AGENCIES.

Học' Kien ngày 18-1-1990

Thưa Chị THỎ.

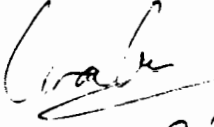
Tôi đã rất vui mừng nhận được thư của Chị đi ngày 4-9-1989 phúc đáp cho tôi.

Tôi rất muốn gọi hồ sơ liên cho Chị, nhưng làm không kịp, nên đến hôm nay mới hoàn tất được.

Trong thư phúc đáp của Chị, Chị có ghi thêm phần U.S employee, nay tôi đã y lời Chị và cũng gửi như hồ sơ mà tôi đã gửi cho văn phòng ODP ở đây cuối vào ngày 18-8-1988.

Khi chị hãy gửi đồ tôi, mọi sự việc của tôi xin đặt hoàn toàn vào chị.

Cảm ơn Chị, Tết đến xin chúc chị một năm đầy thành công, vui vẻ và khỏe mạnh.


Li van - Cien

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC-PHÒNG

NHA QUÂN-Y

TRUNG-TÂM MIỄN-DỊCH

Điện thoại: 50.195

Số 1551 /TTMD

Mẫu số 15

BẢN CÁO TRI

Chỉ-huy-Trưởng Trung-Tâm Miễn-Dịch
chứng nhận rằng Hội-Đồng Miễn-Dịch Sài-gòn trong phiên
họp ngày ... tháng ... năm 196...
định về phần Ông ...
Quân-số ... cấp-bác ...
Thuộc Đơn-vị ... những đề-nghị
sau đây :

Hội-đồng đã cứu-xét có mặt đương-sự
(hay trên giấy-tờ)

1) Tàn-tật có
quyền hưởng
hưu-bổng

2) Tàn-tật
không được
quyền hưởng
hưu-bổng

ĐƠN SỐ 1
Hưu-bổng
tạm-thời
hay
vĩnh-viễn
-65-
phần trăm

Cấp-độ
tàn-phế

(để ghi chú)

MIỄN-DỊCH
HỘI ĐỒNG

K. B. C. 4.211, ngày ... - ... - 196...

Chỉ-huy-Trưởng Trung-Tâm Miễn-Dịch

CƯỚC-CHỮ CẦN-YẾU

Những đề-nghị của Hội-Đồng Miễn-Dịch ghi ở trên
đây không phải là duyên-cớ để kháng-cáo trước Tòa-án
Hưu-bổng.

Chỉ có quyết-định của Nha C. C. B. số cáo-trị
cho đương-sự sau này, mới có thể là yếu-tố để kháng-
cáo trước pháp-luật.

THÔNG-HIỆP NÀY CHỈ CẤP MỘT LẦN nếu cần
hàng sự làm bản sao và xin tại thực
tại cơ quan hành chính địa phương.



THI NHẬN BẢN SAO NÀY ĐỂ
bản chính để trình bản phủ
và gửi các cơ quan liên quan
để xử lý theo quy định.

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ QUỐC-PHÒNG

NHA QUẢN-Y

TRUNG-TÂM MIỄN-DỊCH

Điện thoại : 50.195

Số 15551 /TTMD

Mẫu số 18

BẢN CAO TRI

Chỉ-huy-Trưởng Trung-Tâm Miễn-Dịch
chứng nhận rằng Hội-Đồng Miễn-Dịch Sài-gòn trong phiên
họp ngày ... tháng ... năm 196...
định về phần Ông ...
Quân-số ... cấp-bác ...
Thuộc Đơn-vị ... những đề-nghị
sau đây :

Hội-đồng đã cứu-xét có mặt dương-sự
(hay trên giấy-tờ)

Vết thương ở trán và bấp chấn bên trái
hợp với vết thương.

1) Tàn-tật có

hương
hưu-bổng

ĐƠN-CỐ

Hưu-bổng

tạm-thời

hay

vịnh-viên

...

phần-trăm

...

2) Tàn-tật

không được

quyền hưởng

hưu-bổng

Cấp-dò

tàn-phế

(để ghi chú)

MIỄN-DỊCH
HỘI-ĐỒNG

K. B. C. 4.211, ngày 07-02-1968

Chỉ-huy-Trưởng Trung-Tâm Miễn-Dịch

CƯỚC-CHỮ CẦN-YÊU

Những đề-nghị của Hội-Đồng Miễn-Dịch ghi ở trên
đây không phải là duyên-cớ để kháng-cáo trước Tòa-án
Hưu-bổng.

Chỉ có quyết-định của Nha C. G. B. số cáo-tri
cho dương-sự sau này, mới có thể là yếu-tố để kháng-
cáo trước pháp-luật.

CHỖ NÀY CHỈ CẤP MỘT LẦN nếu cần
bằng sự lập-bản vào và xin lập thực
sở tại ban hành chính địa phương.



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn THUỖ TÂN THÔN
Thị xã, Quận HỒC MÔN
Thành phố, Tỉnh HỒCH MIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc

Mẫu HT 13 P

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số : 011

Quyển số : _____

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	<u>LÊ - VÂN - CẦN</u>	<u>LÊ - THI - NGỌC - DUNG</u>
Sanh ngày tháng năm hay tuổi	<u>11 / 11 / 1942</u>	<u>05 / 6 / 1952</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>KINH</u> <u>VIỆT - NAM</u>	<u>KINH</u> <u>VIỆT - NAM</u>
Nghề nghiệp	<u>LÀI - XE</u>	<u>CHĂN - NUÔI</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>S/Á ẤP NAM-THANH, XÃ THUỖ TÂN</u> <u>THÔN - HỒC MÔN</u>	<u>S/Á ẤP NAM-THANH, XÃ THUỖ TÂN -</u> <u>THÔN - HỒC MÔN</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu		

Đăng ký, ngày 11 tháng 6 năm 1977

TM/UBND THUỖ TÂN THÔN Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên chức vụ)

Người chồng ký

(Đã ký)

LÊ - VÂN - CẦN

Người vợ ký (Đã ký)

LÊ - THI - NGỌC - DUNG

ỦY VIÊN HỘ TỊCH (Đã ký)

Nguyễn Thị - Tiên

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 11 tháng 06 năm 88

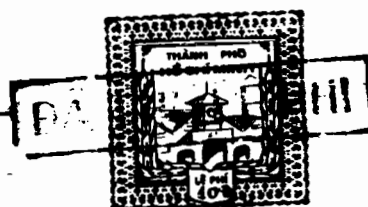
TM/UBND XÃ THUỖ TÂN Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ủy Viên Thư Ký



Nguyễn Thị Ngọc Dung



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Thới-tam-Thôn
Thị xã, Quận Quốc-Môn
Thành phố, Tỉnh Quảng-Chi-Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT 13 D

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số : 011

Quyển số : _____

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN		
Bí danh	<u>LÊ-VĂN-CĂN</u>	<u>LÊ-THỊ-NGỌC-DUNG</u>
Sanh ngày tháng năm hay tuổi	<u>11 / 11 / 1942</u>	<u>05 / 6 / 1952</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt-Nam</u>	<u>Việt-Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Tài-xe'</u>	<u>Chăn nuôi</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>58/1 ấp Nam-Thành, xã Thới-tam-Thôn, Quốc Môn</u>	<u>58/1 ấp Nam-Thành, xã Thới-tam-Thôn, Quốc Môn</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu		

Đăng ký, ngày 11 tháng 6 năm 1987

TM/UBND Thới-tam-Thôn Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ tên chức vụ)

Người chồng ký
(Đã ký)
LÊ-VĂN-CĂN

Người vợ ký
(Đã ký) LÊ-THỊ-NGỌC-DUNG

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 12 tháng 07 năm 88

TM/UBND Xã TT Thôn Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ủy-viên hội tịch
(Đã ký)
Nguyễn Thị-Tiến



Ủy viên Thư ký
Nguyễn Thị-Huyền-Dung



MẪU SỐ HT3, P2

Số 125
Quyển số

53-2284/ky

CHỦ TỊCH
GIỐNG YÊN CHÁNH
Cấp tỉnh tại UBND tỉnh Hồ Chí Minh
Ngày 14 tháng 10 năm 1989
TM. ỦY BAN
CHỦ TỊCH



Đỗ Ngọc Thịnh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **03145078**

Họ tên: **LÊ VĂN CÁN**

Sinh ngày: **11-11-1942**

Nguyên quán: **Hóc Môn,**

TP. Hồ Chí Minh

Nơi thường trú: **58/1, Thị trấn**

Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh..... Tôn giáo: Không.....	
	ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH
	Sao tháng 1. Năm cách lên trên sao sao phải
	Ngày tháng 7 năm 1979.. T. S. C. TRƯỞNG T. C. AN T. H. H. C. T. A. M.  Chức vụ:

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn Thới Tam Thôn
Thị xã, Quận Hóc Môn
Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

☆

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINHSố 125
Quyền số _____

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

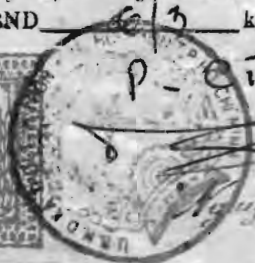
Họ và Tên	<u>LÊ VĂN CÂN</u>		Nam, ☒
Sinh ngày tháng năm	<u>11 - 11 - 1942</u>		
Nơi sinh	<u>THỚI TAM THÔN</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>LÊ VĂN THAO</u>	<u>LÊ THỊ CA</u>	
Dân tộc	<u>KINH</u>	<u>KINH</u>	
Quốc tịch	<u>VIỆT NAM</u>	<u>VIỆT NAM</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm việc nhà</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>58/ THỊ TRẤN HOC MON</u>	<u>58/ THỊ TRẤN HOC MON</u>	
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai			



NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 4 tháng 8 năm 1988TM. UBND 6/3 ký tên đóng dấuĐã ký, ngày 3 tháng 9 năm 1983
(ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Chánh lục sự

Phạm Công Nghiệp
(Đã ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **021450336**

Họ tên: **LÊ THỊ NGỌC DUNG**

Sinh ngày: **5-6-1952**

Nguyên quán: **Quận 1,**

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi hiện cư: **58/1 Thị trấn**

Hố Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh

Số

CHUNG NHẬN

GIẤY BÀN CHÁNH

Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh

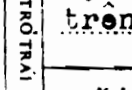
Ngày **14** tháng **11** năm **1989**

TM. ỦY BAN

CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Dung

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGON TRO TRAI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Sẹo nằm cách 1,2cm trên trục da mặt phải.	
	NGON TRÁI PHẢI	Ngày tháng năm 1979	
		 TRƯỞNG TY CÔNG AN PH. II. HCM Thủ trưởng Thủ trưởng	

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn Thới-Tam-Thôn
Thị xã, Quận Quận 1
Thành phố, Tỉnh TP-Hồ Chí Minh

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 784 A
Quyển số 1957

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>Lê-thi-Ngọc-Dung</u>		☒ Nam, ☐ Nữ
Sinh ngày tháng năm	<u>Năm, tháng sáu, năm một ngàn chín trăm năm mươi hai</u>		
Nơi sinh	<u>Quận 1, Saigon</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lê-văn-Tri</u>	<u>Đào-thi-Hồng-Pha</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Buôn Bán</u>	<u>Nội-trò</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>2/3A Thị trấn Quê Mân</u>	<u>3A Thị trấn Quê Mân</u>	
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê-văn-Tri</u>		



NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 11 tháng 8 năm 1988

TM UBND 403 ký tên đóng dấu

Đăng ký, ngày 19 tháng 5 năm 1973
(ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Viên chức Hộ tịch

Nguyễn-nhơn-Yếu
(Chữ ký)



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn Thới-tam-Thôn
Thị xã, Quận Hóc Môn
Thành phố, Tỉnh Hồ chí MinhBẢN SAO
GIẤY KHAI SINHSố 784 A
Quyển số 1957

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>Lê-thị-Ngọc-Dung</u>		☒ Nam, ☒ Nữ
Sinh ngày tháng năm	<u>Năm, tháng sáu, năm một ngàn chín trăm năm mươi hai</u>		
Nơi sinh	<u>Quận nhĩ, Saigon</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lê-văn-Trí</u>	<u>Đào-thị-Hương-Hoa</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt-Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Phuộc Bà</u>	<u>Nội-trú</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>2/3 A Thị trấn Hóc Môn</u>	<u>2/3 A Thị trấn Hóc Môn</u>	
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê-văn-Trí</u>		



NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 8 tháng 8 năm 1988TM. UBND C/h ký tên đóng dấuĐã ký, ngày 19 tháng 5 năm 1983
(ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Viện chức Hộ Tích

Nguyễn-nhơn-Hào

(Đã ký)



Nguyễn Văn Trí

55

2284 / 87

CHỨNG NHẬN
GIỐNG BẢN CHÍNH

ỦY BAN QUẢN LÝ TÀI SẢN HỒ CHÍ MINH

Ngày 12 tháng 10 năm 1999

TM. UBND

CH. TỊCH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 021450356

Họ tên **LÊ THỊ NGỌC DUNG**

Sinh ngày 6-6-1952

Nguyên quán Quận 1,

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú 58/1 Thị trấn

Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGÓN TAY TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Sẹo nằm ở chỗ 1,2cm trên trước dấu móng chân.	
	NGÓN TAY PHẢI	Ngày tháng 7 năm 1979 TỔNG CỤC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN HỒ CHÍ MINH	

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT3/P3

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Xã, Thị trấn Thới Tam Thôn
Thị xã, Quận Hà Nội
Thành phố, Tỉnh Hà Nội

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 166
Quyển số 1/1975

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>LÊ - NGOC THUY</u>		☒ Nam, ☒ Nữ
Sinh ngày tháng năm	<u>Mười lăm, tháng bảy. Một ngàn chín trăm bảy mươi lăm (25/7/1975)</u>		
Nơi sinh	<u>Bảo an Thanh - Hoàng, Thới Tam Thôn</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lê Văn Căn</u> <u>1942</u>	<u>Lê Thị Ngọc Dung</u> <u>1952</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Tài xế</u>	<u>Nhà trọ</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>58/1 Nam Thanh xã Thới Tam Thôn</u>	<u>58/1 Nam Thanh, Thới Tam Thôn</u>	
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Văn Căn</u> <u>58/1 Nam Thanh, xã Thới Tam Thôn</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 7 năm 1988

TM. UBND Yến ký tên đóng dấu

Đã ký, ngày 30 tháng 5 năm 1987
(ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

U. V. H. S. Tích

Nguyễn Thị Tiên
(Đã ký)



Nguyễn Văn Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn THỚI-TAM-THÔN
Thị xã, Quận Mộc Môn
Thành phố, Tỉnh Vĩnh Chi Minh

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 166
Quyền số 1/1975

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>LÊ-NGOC-THUY</u>		☒ Nam, ☐ Nữ
Sinh ngày tháng năm	 <u>Mười lăm, tháng bảy, Một ngàn</u> <u>chín trăm bảy mươi lăm (25/7/1975)</u>		
Nơi sinh	<u>Bảo sanh Thanh Quang, Thới tam Thôn</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lê-văn-Cẩn</u> <u>1942</u>	<u>Lê-thị-Ngọc-Dung</u> <u>1952</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt-Nam</u>	<u>Việt-Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Tên-xê</u>	<u>Nội trợ</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>58/1 ấp Nam-Thanh, xã</u> <u>Thới-tam-Thôn</u>	<u>58/1 ấp Nam-Thanh, xã</u> <u>Thới-tam-Thôn</u>	
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê-văn-Cẩn</u> <u>58/1 Nam-Thanh, xã Thới-tam-Thôn</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 7 năm 1975

TM UBND Xã 8/3 ký tên đóng dấu

Đăng ký, ngày 30 tháng 3 năm 1976
(ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

.U.V. H3.Tích

Nguyễn-thị-Tiến
(Đã ký)



Nguyễn Văn Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn Hóc Môn
Thị xã, Quận Hóc Môn
Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 713

Quyển số 01

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>LÊ - NGỌC - HÂN</u>		Nam, Nữ	☒ Nữ
Sinh ngày tháng năm	<u>Xai mười chín, tháng mười một dl</u> <u>Một ngàn chín trăm bảy mươi lăm</u>			
Nơi sinh	<u>Bảo sanh Quốc Môn</u>			
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lê-văn-Cẩn</u> <u>1942</u>	<u>Lê-Thị-Ngọc-Dung</u> <u>1952</u>		
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>		
Quốc tịch	<u>Việt-Nam</u>	<u>Việt-Nam</u>		
Nghề nghiệp	<u>Tên xe'</u>	<u>Chăn nuôi</u>		
Nơi ĐKNK thường trú	<u>58/1 Tổ 105 Thị-Trần</u>	<u>58/1 Tổ 105 Thị-Trần</u>		
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê-văn-Cẩn</u> <u>1942</u> <u>58/1 Tổ 105 Thị-Trần Quốc Môn</u>			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 22 tháng 7 năm 19 88

TM UBND Thị trấn ký tên đóng dấu



Đã ký, ngày 6 tháng 12 năm 19 88
(ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

U.V Thị Ký
Nguyễn-văn-Đề
(Đã ký)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT3/P3

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Xã, Thị trấn Quốc Môn
Thị xã, Quận Quốc Môn
Thành phố, Tỉnh Hà Nội

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 713

Quyển số 01

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>LÊ - NGOC - HÂN</u>		☒ Nam, ☒ Nữ
Sinh ngày tháng năm	<u>Mười chín, tháng mười một</u> <u>Một ngàn chín trăm bảy mươi tám</u>		
Nơi sinh	<u>Bảo sanh Quốc Môn</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lê Văn Căn</u> <u>1942</u>	<u>Lê Thị Ngọc Dung</u> <u>1952</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Tân xê</u>	<u>Chăn nuôi</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>58/1 Tổ 105 Thị Trấn</u>	<u>58/1 Tổ 105 Thị Trấn</u>	
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Văn Căn</u> <u>1942</u> <u>58/1 Tổ 105 Thị Trấn Quốc Môn</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 22 tháng 7 năm 1988

TM UBND Thị trấn ký tên đóng dấu

Đã ký, ngày 6 tháng 12 năm 1988
(ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

U.V Thị trấn

Nguyễn Văn Đề
(Đã ký)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~0000000000~~

Họ tên: **LÊ VĂN CÂN**

Sinh ngày: **11-11-1942**

Nguyên quán: **Hóc Môn,**

TP. Hồ Chí Minh

Nơi thường trú: **58/1, Thị trấn**

Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

Số: **2477/89**
CHỨNG NHẬN

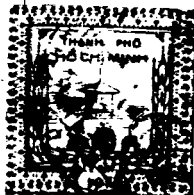
GIỐNG BÀN CHÁNH

Kiểm tra tại UBND TP. Hồ Chí Minh

Ngày: **14 tháng 11 năm 1989**

TM, UBND

CHỦ TỊCH



Đỗ Ngọc Cường

Danh tước: Tôn giáo:	
	NGÓN TRÁI TÀI
	NGÓN TRÚ PHẢI

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

AT 044

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 361617 CN

Lê Văn Chao

58/1
Như phố 8

Phố Trần
Hố Môn

CHỨNG NHẬN

GIỒNG BẢN CHÁNH

Ngày 10 tháng 3 năm 1962

Trưởng công an: Hồ Môn

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH



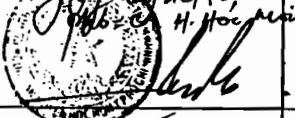
Trưởng T. Lê Minh Thương

Trưởng T. Lê Minh Thương

T-H

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Đã nhận
có đồ lạc mất trong
và mất giấy hộ khẩu.
Ngày 10/3/62,
H. Hồ Môn



Trưởng T. Lê Minh Thương

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ	
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
T-H NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC <i>Sau nhân có đồ đạc mất trong và mất giấy tờ khác.</i> <i>Hội đồng P.C. H. Hóc Bè</i> <i>Lưu ý:</i> <i>Tên: Lê Minh Thuận</i>	

Trưng Tà *Le Minh Thang*

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

CHỨNG CHỈ GIẢI-NGŨ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUÂN-TRUNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ TƯ-LỆNH
ĐƠN VỊ 3 QUÂN-TẠI DIÁ-PHƯƠNG

Thieu-Ta DANG-VAN-TRONG

Chỉ-huy Trưởng Đơn-Vị 3 Quân-Tại Diá-Phương số 008200 AN/MD/BQS.

Chứng thật :

Th.Úy /TB. LE - VAN - CAN .

Sinh ngày 11/11/1942

số Quân 62/112.614

phục vụ trong

Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa kể từ ngày 15 tháng 10 năm 1964

được giải-ngũ và xóa tên trong danh-bộ Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa kể từ ngày 11 tháng 6 năm 1968 vì lý-do Mien dịch vĩnh viễn số I (CD 65*)

THAM-CHIEU : HQ. số 181/TM/ND ngày 11/4 /1968 của Bộ-TM/QLVCH.

Đương-ước khai về cư-ngụ tại (1) Số 4/5 Trun-Hung-Dao Hoc-Mon, Gia-Dinh con của Ông Le-Van-Thao và bà Le-Thi-Ga.

NƠI-NHAN :

KBC. 4204

ngày 20

tháng 5

năm 1968

- Dương-Su 1/3
- Văn-Kho 2/3
- Lưu 3/3.



(1) Ghi rõ số nhà, Ấp, Xã, Quận, Tỉnh.

VIỆT-NAM CỘNG-HOA
BỘ QUỐC PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HOA
BỘ TƯ LỆNH
ĐƠN VỊ 3 QUÂN TRƯỞNG ĐIA-THUẬN

Chứng thật :

Sinh ngày 11/11/1942 ở Quận 62/112.514 nhập ngũ trong
Quân lực Việt-Nam Cộng-Hòa kể từ ngày 15 tháng 10 năm 1964
được giải ngũ và xóa tên trong danh-bộ Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa kể từ
ngày 11 tháng 6 năm 1968 vì lý do Miên dịch y sinh viên số 1 (CD 65*)
THAM-CHIEU: HQ. số 181/TTM/ND ngày 11/4/1968 của Bộ TTM/QLVCH.

NO1-JHAN :

KBC. 4204, ngày 12 tháng 5 năm 1968,

- Duong-Su 1/1
- Van Tho 2/1
- Luu 3/3.

(1) Ghi rõ số nhà, Ấp, Xã, Quận, Tỉnh.

Lot. 2, 2.60. v.

HEADQUARTERS
BIEN HOA-LONG HIGH AREA EXCHANGE (BAGH)
APO 96491

BAEP

30 December 1970

GROUP PERSONNEL ACTION NUMBER 712-1839

TYPE OF ACTION: Wage Adjustment

EFFECTIVE DATE: 20 December 1970

AUTHORITY: Letter, VREP, 21 December 1970, Subject: Wage Adjustment for Vietnamese Working for US Forces and Agencies.

NAME OF EMPLOYEE	P/R #	POSITION TITLE	FROM		TO	
			GRADE STEP	HOURLY RATE	GRADE STEP	HOURLY RATE
<u>Personnel Section #0420, BAE</u>						
Tra Trong Yen	001675	Pers Staff Spec	VGS-9/1	VNS\$130	n/c	VNS\$143
Bui Thi Danz	003340	Pers Staff Spec	VGS-7/2	VNS\$105	n/c	VNS\$114
Nguyen Thi Dau	000383	Supvry Pers Clerk	VGS-6/2	VNS\$ 92	n/c	VNS\$102
Ng. Thi Bich Van	000378	Supvry Pers Clerk	VGS-6/2	VNS\$ 92	n/c	VNS\$102
Pham Thi Maoe	001255	Personnel Clerk	VGS-5/2	VNS\$ 81	n/c	VNS\$ 88
Truchz Thi Anh	003059	Personnel Clerk	VGS-5/1	VNS\$ 78	n/c	VNS\$ 85
Vu Thi Hongz	002314	Personnel Clerk	VGS-5/2	VNS\$ 81	n/c	VNS\$ 88
Lam Thi Xuan Mai	002916	Personnel Clerk	VGS-5/2	VNS\$ 81	n/c	VNS\$ 88
Le Thi Hongz	003025	Personnel Clerk	VGS-4/1	VNS\$ 64	n/c	VNS\$ 71
Ng. Thi Maoe Bau	005598	Clerk Typist	VGS-3/2	VNS\$ 56	n/c	VNS\$ 61
Dao Thi An	002378	Clerk Typist	VGS-3/7	VNS\$ 67	n/c	VNS\$ 75
Gib Cam Van	005163	Secretary	VGS-4/1	VNS\$ 64	n/c	VNS\$ 71

Training Section #0420-01, BAE

Tran Thi Thu Huong	000414	Empl Devlp Spec	VGS-9/1	VNS\$130	n/c	VNS\$143
Ng. Thi Thu Thao	001311	Empl Devlp Spec	VGS-9/1	VNS\$130	n/c	VNS\$143
Chz Tu Anh	005090	Empl Devlp Spec	VGS-9/1	VNS\$130	n/c	VNS\$143
Le Van Can	004938	Empl Devlp Spec	VGS-9/1	VNS\$130	n/c	VNS\$143
Vo Thi Thanh Xuan	005253	Empl Devlp Spec	VGS-9/1	VNS\$130	n/c	VNS\$143
Tank Hong Hunez	005299	Empl Devlp Spec	VGS-9/1	VNS\$130	n/c	VNS\$143
Tran Thi Nu	000876	Clerk Typist	VGS-3/7x	VNS\$ 84	n/c	VNS\$ 84

St. P. Floman
STEPHEN P. FLOMAN
Chief, Personnel

W. B. Myers
WILLIAM B. MYERS
MAJ, USAF
Deputy Commander

DISTRIBUTION:

- 1 - Payroll
- 1 - Official Personnel Folder (OPF)
- 1 - Individual

HEADQUARTERS
BIEN HOA-LONG BINH AREA EXCHANGE (PAGE)
APO 96491

BAEP

30 December 1970

GROUP PERSONNEL ACTION NUMBER 712-1839

TYPE OF ACTION: Wage Adjustment

EFFECTIVE DATE: 20 December 1970

AUTHORITY: Letter, VREP, 21 December 1970, Subject: Wage Adjustment for Vietnamese Working for US Forces and Agencies.

NAME OF EMPLOYEE	P/R #	POSITION TITLE	FROM		TO	
			GRADE STEP	HOURLY RATE	GRADE STEP	HOURLY RATE
<u>Personnel Section #0420, BAE</u>						
Tra Trong Yen	001675	Pers Staff Spec	VGS-9/1	VNS\$130	n/c	VNS\$143
Bui Thi Dang	003340	Pers Staff Spec	VGS-7/2	VNS\$105	n/c	VNS\$114
Nguyen Thi Dau	000333	Subvry Pers Clerk	VGS-6/2	VNS 92	n/c	VNS\$102
Ng. Thi Bich Van	000378	Subvry Pers Clerk	VGS-6/2	VNS 92	n/c	VNS\$102
Pham Thi Naoe	001255	Personnel Clerk	VGS-5/2	VNS 81	n/c	VNS 83
Truong Thi Anh	003059	Personnel Clerk	VGS-5/1	VNS 78	n/c	VNS 85
Tu Thi Hong	002314	Personnel Clerk	VGS-5/2	VNS 81	n/c	VNS 83
Lam Thi Xuan Mai	002916	Personnel Clerk	VGS-5/2	VNS 81	n/c	VNS 83
Le Thi Hong	003026	Personnel Clerk	VGS-4/1	VNS 64	n/c	VNS 71
Ng. Thi Naoe Bau	005593	Clerk Typist	VGS-3/2	VNS 56	n/c	VNS 61
Dao Thi An	002378	Clerk Typist	VGS-3/7	VNS 67	n/c	VNS 75
Gio Cam Van	005163	Secretary	VGS-4/1	VNS 64	n/c	VNS 71

Training Section #0420-01, BAE

Tran Thi Thu Huong	000414	Empl Devlp Spec	VGS-9/1	VNS\$130	n/c	VNS\$143
Ng. Thi Thu Thao	001311	Empl Devlp Spec	VGS-9/1	VNS\$130	n/c	VNS\$143
Onz Tu Anh	005090	Empl Devlp Spec	VGS-9/1	VNS\$130	n/c	VNS\$143
Le Van Can	004938	Empl Devlp Spec	VGS-9/1	VNS\$130	n/c	VNS\$143
Vo Thi Thanh Xuan	005253	Empl Devlp Spec	VGS-9/1	VNS\$130	n/c	VNS\$143
Tam Hong Hung	005299	Empl Devlp Spec	VGS-9/1	VNS\$130	n/c	VNS\$143
Tran Thi Nu	000376	Clerk Typist	VGS-3/7x	VNS 84	n/c	VNS 84

John P. Florman
JOHN P. FLOMAN
Chief, Personnel

Will B. Myers
WILL B. MYERS
MAJ, USAF
Deputy Commander

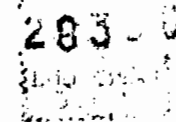
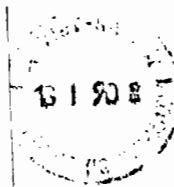
DISTRIBUTION:

- 1 - Payroll
- 1 - Official Personnel Folder (OPF)
- 1 - Individual

FROM: LÊ VĂN CẦN,
58/1 THỊ TRẦN HỌC MÔN.
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- VIỆT NAM -



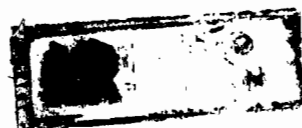
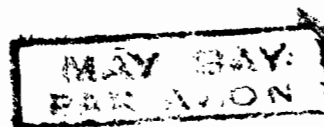
4 6 0



TO: BÀ KHUÊ MINH THỎ.

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635



U.S.A

JAN 30 1990

759 = 28 350

MR. LAMAR S. CRAWFORD



CAN. LE VAN

MR. LAMAR S. CRAWFORD



CAN. LE VAN

IN FRONT OF THE OFFICE IN
LONG-BINH POST

IN FRONT OF THE OFFICE IN
LONG-BINH POST